

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KINH TẾ**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**NGÀNH KINH TẾ HỌC
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ MÃ NGÀNH: 8310101
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

Cần Thơ, tháng 7 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH KINH TẾ HỌC

Định hướng ứng dụng

(Ban hành kèm theo quyết định số 2424/QĐ-ĐHCT, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Chương trình đào tạo ngành Kinh tế học định hướng ứng dụng được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Kinh tế học
Tên chương trình (tiếng Anh)	Economics
Mã số ngành đào tạo	8310101
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ, bao gồm 42 bắt buộc, 18 tự chọn
Hình thức, thời gian đào tạo	Hệ đào tạo: Chính quy Thời gian đào tạo: 24 tháng Thời gian đào tạo tối đa: 48 tháng
Chuẩn đầu vào	
<i>Yêu cầu chung</i>	a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu; b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<i>Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức</i>	- Kinh tế - Kinh tế chính trị

	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế
<i>Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức</i>	<p>Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thống kê, Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản.
<i>Học phần bổ sung kiến thức</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Số học phần: 01; tổng tín chỉ: 03 TC - Tên học phần: Kinh tế công cộng: KT114, 3TC
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4 (quy ra thang điểm 10)
Điều kiện tốt nghiệp	<p>a) Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; điểm TBCTL các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</p> <p>b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 điểm trở lên;</p> <p>b) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.</p> <p>c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.</p>
Vị trí việc làm	Có thể công tác ở tất cả các tổ chức chính quyền như Ủy ban nhân dân các tỉnh, Sở Kế hoạch - đầu tư, Sở Nông nghiệp, Sở Công nghiệp, Cục Thuế, ... ở các quận, huyện, tỉnh và thành phố. Đồng thời, với kiến thức được trang bị các cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành này cũng có thể làm việc ở các doanh nghiệp để xây dựng nên chiến lược phát triển dài hạn cho các doanh nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Có khả năng tham gia giảng dạy, tư vấn, đề xuất, chủ trì, triển khai các dự án kinh tế phục vụ công cuộc phát triển kinh tế của ĐBSCL. Có khả năng độc lập và phối hợp nghiên cứu, có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh nhóm ngành kinh tế và kinh tế phát triển.
Đã tham khảo CTĐT của trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình thạc sỹ Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, http://se.uieh.edu.vn/vi/thac-si-kinh-te-phat-trien-p/ 2. Chương trình thạc sỹ Kinh tế phát triển và Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, https://www.neu.edu.vn/vi/dao-tao-sdh-1932/dao-tao-sau-dai-hoc 3. Chương trình thạc sỹ Kinh tế kinh doanh, Trường Đại học Antwerp – Vương quốc Bỉ, https://www.uantwerpen.be/en/study/education-and-training/business-economics/about-the-programme/ 4. Chương trình thạc sỹ Kinh tế ứng dụng, Trường Đại học Georgetown, https://econ.georgetown.edu/masters-of-science-in-economics.
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 7 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là trang bị cho học viên kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế; rèn luyện cho người học có khả năng ứng dụng lý thuyết và mô hình kinh tế vào thực tiễn cho công tác quản lý, phân tích chính sách, dự báo các biến động của doanh nghiệp, ngành, và nền kinh tế, phục vụ phát triển kinh tế phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế và chuyển đổi số của nền kinh tế. Học viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận công việc ở các vị trí tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế và quản lý kinh tế, và có khả năng tham gia tiếp tục học tập các chương trình đào tạo ngành Kinh tế ở trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo:

- a. Trang bị cho học viên kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.
- b. Rèn luyện cho người học có khả năng phân tích kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, làm việc độc lập.
- c. Rèn luyện cho người học vận dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế.
- d. Phát triển cho người học có khả năng tư duy đảm nhận công việc ở các vị trí tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế và quản lý kinh tế.
- đ. Xây dựng cho người học có ý thức tự học và giải quyết vấn đề trong kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

- a. Vận dụng kiến thức vào việc xác định, phân loại và so sánh các đặc điểm, vai trò, bản chất của sản xuất và thị trường trong phạm vi vi mô và vĩ mô;
- b. Hệ thống hóa các mô hình kinh tế thuộc các lĩnh vực kinh tế khác nhau: kinh tế đô thị, kinh tế môi trường, kinh tế sản xuất, kinh tế công,...

3.2. Kỹ năng

- a. Nhận diện, phân tích và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế một cách logic;
- b. Có khả năng nghiên cứu và phát triển tri thức mới trong lĩnh vực kinh tế.
- c. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt; sử dụng thông thạo ngoại ngữ trong nghiên cứu và công việc.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- a. Thể hiện chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
- b. Ý thức tự nâng cao trình độ chuyên môn;
- c. Nghiêm túc tuân thủ kỷ luật, thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp và phối hợp trong công việc.

3.4. Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp

Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 (bậc 4/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

4. Các tiêu chí liên quan tuyển sinh

Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Cần Thơ hàng năm. Gồm 3 hình thức có thể áp dụng: Thi tuyển; Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển.
Môn thi tuyển sinh	1. Kinh tế học 2. Thống kê kinh tế 3. Ngoại ngữ
Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Trường Đại học Cần Thơ

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể (2.2)	Chuẩn đầu ra					3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm
	3.1. Kiến thức		3.2. Kỹ năng			
	(a)	(b)	(a)	(b)	(c)	
2.2a		X	X			
2.2b	X	X	X	X		
2.2c	X	X	X	X		
2.2d		X	X	X	X	X
2.2đ						X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra					3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm
			3.1. Kiến thức		3.2. Kỹ năng			
TT	MSHP	Tên học phần	(a)	(b)	(a)	(b)	(c)	
Kiến thức chung								
1	ML606	Triết học						X
Kiến thức khối ngành								
2	KT602	Kinh tế vi mô	X	X	X	X		X
3	KT603	Kinh tế vĩ mô	X	X	X	X		X
4	KT760	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	X		X			X
5	KTH605	Kinh tế vùng	X		X			X
6	KTH603	Kinh tế học biến đổi khí hậu		X	X			X
7	KTH604	Phân tích chính sách công			X	X		X
Kiến thức chuyên ngành								
8	KT604	Kinh tế lượng	X	X	X	X		X
9	KTN603	Kinh tế học hành vi		X		X		X
10	KTH619	Kinh tế học ứng dụng	X	X	X			X
11	KTH617	Kinh tế đô thị		X	X	X		X
12	KTH621	Kinh tế công cộng nâng cao		X	X	X		X
13	KTH613	Kinh tế y tế		X	X	X		X
14	KTH614	Thương mại và môi trường		X	X	X		X
15	KT615	Tài chính phát triển	X	X	X			X
16	KT608	Kinh tế sản xuất	X	X	X			X
17	KTH618	Kinh tế quốc tế	X	X	X			X
18	KT631	Kinh tế phát triển	X	X	X			X
19	KTH615	Marketing địa phương	X	X	X			X
20	KTH612	Kinh tế lao động	X	X	X			X
Học phần thực tập và tốt nghiệp								
21	KTH001	Đề án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X
22	KTH002	Thực tập tốt nghiệp 1	X	X	X	X	X	X
23	KTH003	Thực tập tốt nghiệp 2	X	X	X	X	X	X

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 6461/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ (thạc sĩ/tiến sĩ), Chương trình dạy học ngành Kinh tế học được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ

Phần kiến thức chung (Triết học): 4 tín chỉ (bắt buộc: 4) tín chỉ + (ngoại ngữ tự học)

Phần kiến thức cơ sở: 14 tín chỉ (bắt buộc: 11 tín chỉ; tự chọn: 3 tín chỉ)

Phần kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (bắt buộc: 12 tín chỉ; tự chọn: 15 tín chỉ)

Và luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ (bắt buộc)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung (4 TC)									
1	ML606	Triết học	4	x		60			I,II
Phần kiến thức khối ngành (14 TC)									
2	KT602	Kinh tế vi mô	3	x		45			I,II
3	KT603	Kinh tế vĩ mô	3	x		45			I,II
4	KT760	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		30			I,II
5	KTH605	Kinh tế vùng	3	x		45			I,II
6	KTH603	Kinh tế học biến đổi khí hậu	3		x	45			I,II
7	KTH604	Phân tích chính sách công	3		x	45			I,II
<i>Cộng: 14 TC (Bắt buộc 11 TC; Tự chọn: 3 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành (27)									
8	KT604	Kinh tế lượng	3	x		45			I,II
9	KTN603	Kinh tế học hành vi	3	x		45			I,II
10	KTH619	Kinh tế học ứng dụng	3	x		45			I,II
11	KTH617	Kinh tế đô thị	3	x		45			I,II
12	KTH621	Kinh tế công cộng nâng cao	3		x	45			I,II
13	KTH613	Kinh tế y tế	3		x	45			I,II
14	KTH614	Thương mại và môi trường	3		x	45			I,II
15	KT615	Tài chính phát triển	3		x	45			I,II
16	KT608	Kinh tế sản xuất	3		x	45			I,II
17	KTH618	Kinh tế quốc tế	3		x	45			I,II
18	KT631	Kinh tế phát triển	3		x	45			I,II
19	KTH615	Marketing địa phương	3		x	45			I,II
20	KTH612	Kinh tế lao động	3		x	45			I,II
<i>Cộng: 27 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 15 TC)</i>									
Phần học phần tốt nghiệp (15 TC)									
21	KTH001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270		I,II
22	KTH002	Thực tập tốt nghiệp 1	3	x			90		I,II
23	KTH003	Thực tập tốt nghiệp 2	3	x			90		I,II
		Tổng cộng	60	42	18				

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	ML606	Triết học	4	x		60			
2	KT602	Kinh tế vi mô	3	x		45			
3	KT603	Kinh tế vĩ mô	3	x		45			
4	KT760	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	x		30			
Học kỳ 2									
1	KTH604	Phân tích chính sách công	3		x	45			
2	KT604	Kinh tế lượng	3	x		45			
3	KTN603	Kinh tế học hành vi	3	x		45			
4	KT615	Tài chính phát triển	3		x	45			
5	KTH617	Kinh tế đô thị	3	x		45			
Học kỳ 3									
1	KTH619	Kinh tế học ứng dụng	3	x		45			
2	KT631	Kinh tế phát triển	3	x		45			
3	KTH621	Kinh tế công cộng nâng cao	3		x	45			
4	KTH612	Kinh tế lao động	3		x	45			
5	KT608	Kinh tế sản xuất	3		x	45			
Học kỳ 4									
1	KTH618	Kinh tế quốc tế	3		x	45			
2	KTH001	Đề án tốt nghiệp	9	x			270		
3	KTH002	Thực tập tốt nghiệp 1	3	x			90		
4	KTH003	Thực tập tốt nghiệp 2	3	x			90		

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	ML606	Triết học	4	Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.	Khoa Khoa học chính trị
2	KT602	Kinh tế vi mô	3	Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về sự vận hành của thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất; lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp. Học phần còn trình bày hành vi của doanh nghiệp trong các cơ cấu thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm. Các kiến thức này nhằm cung cấp nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.	Khoa Kinh tế
3	KT603	Kinh tế vĩ mô	3	Học phần Kinh tế vĩ mô tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Các mô hình cân bằng vĩ mô tổng quát; Mô hình nền kinh tế mở và Mô hình tăng trưởng kinh tế.	Khoa Kinh tế

				Ngoài ra, kiến thức về tiêu dùng và đầu tư, lạm phát và thất nghiệp cũng được trình bày trong nội dung học phần.	
4	KT760	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh tế tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Cách tiếp cận nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu trong kinh tế; Cách thức điều tra chọn mẫu và phương pháp chọn mẫu; Kiểm định giả thuyết nghiên cứu; Kiểm định phi tham số. Ngoài ra, kiến thức về cách thức trình bày một bài báo khoa học và trình bày đề cương luận văn thạc sỹ kinh tế cũng được trình bày trong nội dung học phần.	Khoa Kinh tế
5	KTH603	Kinh tế học biến đổi khí hậu	3	Học phần gồm 6 chương giới thiệu tổng quan về khoa học biến đổi khí hậu, kinh tế biến đổi khí hậu, khung phân tích sử dụng lợi ích chi phí trong phân tích kinh tế biến đổi khí hậu, chi phí và chính sách giảm phát thải khí nhà kính và chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu.	Khoa Kinh tế
6	KTH604	Phân tích chính sách công	3	Học phần cung cấp nội dung tổng quan về chính sách công và phân tích chính sách công; nội dung, công cụ và phương pháp phân tích chính sách công; và phân tích chuyên sâu chính sách tài chính, chính sách tiền tệ và chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	Khoa Kinh tế
7	KTH605	Kinh tế vùng	3	Môn học giới thiệu cho học viên các khái niệm liên quan đến các nguyên tắc phân bổ nguồn lực vào sản xuất, khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế. Môn học cũng giới thiệu sự phân bố theo lãnh thổ các ngành kinh tế trong cả nước. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các công cụ phục vụ cho phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự phát triển của vùng. Các công cụ phân tích bao gồm đo lường thu nhập, cán cân thanh toán, kết cấu nền kinh tế, mô hình đầu vào - đầu ra, liên kết sản xuất và chu chuyển hàng hóa nội bộ vùng, thu nhập và việc làm nội bộ vùng, phân tích hệ thống thỏa thuận. Đặc biệt, các đặc điểm cụ thể từng vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam sẽ được giới thiệu trong môn học.	Khoa Kinh tế
8	KT604	Kinh tế lượng	3	Môn học cung cấp cho học viên những công cụ quan trọng để phân tích định lượng các mối quan hệ kinh tế trong những nghiên cứu kinh tế. Môn học cũng giúp cho học viên xây dựng và ứng dụng các mô hình kinh tế lượng thích hợp với những dạng số liệu khác nhau, thông qua đó học viên có thể đo lường, kiểm định các mối quan hệ kinh tế khác nhau. Một số chủ đề trong môn học này: Phân tích mô hình hồi quy tuyến tính, các dạng mô hình phi tuyến tính, kiểm định các giả thuyết của các mô hình, dự báo, ...	Khoa Kinh tế
9	KTN603	Kinh tế học hành vi	3	Kinh tế học hành vi nghiên cứu những giới hạn tâm lý ảnh hưởng đến các quyết định kinh tế của con người. Cụ thể, Kinh tế học hành vi nói rộng 03 giả định được sử dụng trong các mô hình kinh tế chuẩn, bao gồm: hợp lý (rational), nhất quán (consistent), và người kinh tế (selfish man). Do đó, Kinh tế học hành vi sẽ cung cấp cho người học các lý thuyết, phương pháp và nghiên cứu liên quan tới ba chủ đề lớn của môn học: tính hợp lý bị giới hạn (bounded rationality), kiểm soát bản thân bị giới hạn (bounded self-control), và lợi ích bản thân có giới hạn (bounded self-interest).	Khoa Kinh tế
10	KTH617	Kinh tế đô thị	3	Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu cho người học về bản chất của đô thị. Ngoài ra, người học còn có thể tiếp thu kiến thức về nguyên nhân xuất hiện và cách xử lý các vấn đề liên quan đến đô thị như đô thị hóa, ách tắc	Khoa Kinh tế

				giao thông đô thị, thị trường nhà ở, ô nhiễm và tội phạm ở đô thị. Thông qua học phần này, người học còn nắm bắt được lý thuyết và thực tiễn nhằm quản lý sự phát triển của các đô thị nhằm đảm bảo cho đời sống của người dân được tốt nhất.	
11	KTH619	Kinh tế học ứng dụng	3	Học phần Kinh tế học ứng dụng tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Ứng dụng mô hình cân bằng trong ngắn hạn để phân tích tác động của chính sách vĩ mô và cơ chế thị trường đến sự dịch chuyển trạng thái cân bằng trong ngắn hạn; Phân tích những thuận lợi và khó khăn khi ứng dụng mô hình thất nghiệp ổn định trong điều hành kinh tế vĩ mô; Mô hình hàm cầu tiền thực; Lý thuyết lạm phát và mô hình nợ công chính phủ.	Khoa Kinh tế
12	KT631	Kinh tế phát triển	3	Học phần kinh tế phát triển thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế; các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; phân phối và sử dụng các nguồn lực đến tăng trưởng và phát triển kinh tế và các chính sách phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.	Khoa Kinh tế
13	KTH621	Kinh tế công cộng nâng cao	3	Học phần Kinh tế công cộng nâng cao tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.	Khoa Kinh tế
14	KTH612	Kinh tế lao động	3	Học phần này sẽ trang bị cho học viên kiến thức về sự vận hành của thị trường lao động trên cơ sở phân tích sự thay đổi của cung và cầu lao động trong các lĩnh vực nhất định trong nền kinh tế. Lao động là một trong những nguồn lực cốt lõi trong hầu hết các chiến lược phát triển ở cấp độ quốc tế, quốc gia, địa phương và cũng như trong doanh nghiệp. Vì vậy, nội dung của học phần sẽ khai thác sự tương quan giữa sự phân bổ lao động và các nguồn lực khác trong quá trình quản lý và vận hành nền kinh tế cũng như kinh doanh.	Khoa Kinh tế
15	KT615	Tài chính phát triển	3	Môn học này nhằm trang bị các kiến thức nâng cao về mối quan hệ giữa hệ thống tài chính trong mối quan hệ với phát triển kinh tế. Trong đó, các vấn đề thông tin bất đối xứng, chi phí giao dịch, giới hạn tín dụng và áp chế tài chính được thảo luận. Bên cạnh đó, các bài viết và phương pháp phân tích được sử dụng để giải thích mối quan hệ giữa các khía cạnh của tài chính và phát triển trong nền kinh tế.	Khoa Kinh tế
16	KTH613	Kinh tế y tế	3	Học phần Kinh tế Y tế nghiên cứu sự vận hành của thị trường các dịch vụ y tế như khám, chữa bệnh, bảo hiểm y tế, dược phẩm, ... Các loại hàng hóa, dịch vụ y tế có những đặc điểm riêng biệt so với những hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thông thường nên cung và cầu đối với các sản phẩm này có những đặc điểm riêng biệt. Môn học sẽ cung cấp những kiến thức về cấu trúc thị trường của các sản phẩm y tế và xu hướng phát triển của các thị trường này trong bối cảnh có sự tiến bộ nhanh chóng về khoa	Khoa Kinh tế

				học và công nghệ những chuyển biến sâu sắc của các đặc điểm xã hội.	
17	KTH614	Thương mại và môi trường	3	Học phần gồm 6 chương gồm giới thiệu tổng quan về mối quan hệ giữa thương mại và môi trường, phân tích các chính sách và pháp luật cũng như các thỏa thuận song và đa phương nhằm thúc đẩy thương mại và kiểm soát tác động môi trường do hoạt động thương mại, tự do thương mại và thương mại toàn cầu.	Khoa Kinh tế
18	KTH615	Marketing địa phương	3	Học phần này sẽ giới thiệu cho học viên về tầm quan trọng của nguồn lực địa phương trong việc xây dựng chiến lược marketing ở cấp độ địa phương hoặc quốc gia. Đồng thời, giới thiệu mô hình phân tích marketing địa phương được đề xuất bởi Philip Kotler và cộng sự (2002). Dựa trên nội dung lý thuyết được trình bày, học viên sẽ lựa chọn và phân tích đánh giá về các nguồn lực nhằm làm cơ sở xây dựng chiến lược marketing địa phương cho một địa phương điển hình nào đó.	Khoa Kinh tế
19	KT608	Kinh tế sản xuất	3	Học phần trình bày các mô hình lý thuyết và thực nghiệm có liên quan đến kinh tế học sản xuất chú trọng đến việc giải quyết các vấn đề của các đơn vị sản xuất. Môn học giúp học viên biết vận dụng lý thuyết để xây dựng và ước lượng các hàm sản xuất, phân tích các loại hiệu quả gồm hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân bổ và kinh tế nhằm mục đích cho việc khai thác, sử dụng và quản lý các yếu tố đầu vào – đầu ra trong sản xuất.	Khoa Kinh tế
20	KTH618	Kinh tế quốc tế	3	Nội dung học phần gồm 9 chương sẽ trang bị cho người học bao gồm kiến thức căn bản về kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa, nền tảng lý thuyết lợi thế so sánh, công cụ chính sách ngoại thương, và các chính sách ngoại thương và rào cản ngoại thương của các quốc gia đang và đã phát triển, các thỏa thuận về thương mại quốc tế và mậu dịch tự do. Xa hơn, người học còn được thực hành đánh giá và phân tích các nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới về lợi thế so sánh ở nhiều cấp độ khác nhau như quốc gia, ngành, doanh nghiệp cũng như các công cụ chính sách ngoại thương và rào cản ngoại thương đang được áp dụng tại các quốc gia, các liên kết kinh tế quốc tế và tác động của nó đến nền kinh tế của các quốc gia có giao thương.	Khoa Kinh tế
21	KTH001	Đề án tốt nghiệp	9	Học viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành hay thực tập tự do với sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
22	KTH002	Thực tập tốt nghiệp 1	3	Học viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành với sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế
23	KTH003	Thực tập tốt nghiệp 2	3	Học viên được hướng dẫn thực tập tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý kinh tế, sở ban ngành với sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên tìm hiểu đối tượng nghiên cứu và hoàn thành báo cáo dưới sự hướng dẫn của giảng viên.	Khoa Kinh tế

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp đối thoại: giảng viên dùng lời giảng, kết hợp với phương tiện dạy học để trình bày, giải thích, minh họa theo trình tự hoặc nêu giải quyết vấn đề giúp học viên lĩnh hội tri thức; đồng thời, đặt câu hỏi, gợi mở để sinh viên dựa vào kiến thức đã học cũng như đã được chuẩn bị qua tự học mà trả lời nhằm rút ra kiến thức mới của học phần.
- Giảng viên hướng dẫn học viên thực hiện các chuyên đề/ bài tập theo nội dung của học phần.
- Giảng viên hướng dẫn và thực hiện kiểm tra các nội dung tự học của học viên.

6. Phương pháp đánh giá

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**



PGS.TS. Lê Khương Ninh

Cần Thơ, ngày 07 tháng 7 năm 2022

PHỤ TRÁCH NGÀNH

PGS.TS. Quan Minh Nhựt

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (*)